

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS - PT

Ngày 18 - 01 - 2024

V/v “T/c kiện đòi tài sản tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông L Văn Đài

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Chu Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/12/2023 và ngày 18/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLPT- DS ngày 04/10/2023 về việc “*Kiện đòi tài sản*” do bản án sơ thẩm dân sự số 24/2023/DSST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai có bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXPT-DS ngày 03/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐ-PT ngày 28/11/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2023/QĐ-PT ngày 20/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N

Địa chỉ: Thôn G 2, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa ngày 18/01/2024.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Tạ Quang T - Sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 12, ngách 17, ngõ 94 + 96 T, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. (Giấy uỷ quyền ngày 04/5/2023). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn G

Địa chỉ: Số nhà 088, đường tỉnh lộ 156, tổ 29, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Ông Vương Ngọc L - Địa chỉ: Tổ 4, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Giấy ủy quyền ngày 03/01/2023). Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T và ông Lê Công H - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Lê Công H - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: đường 421, tờ bản đồ số 25, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị Đ

Địa chỉ: Số nhà 088, đường tỉnh lộ 156, tổ 29, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Đ: Ông Vương Ngọc L - Địa chỉ: Tổ 4, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Giấy ủy quyền ngày 03/01/2023). Có mặt tại phiên tòa.

4. Người làm chứng:

- Ông Trần Xuân Đ - Địa chỉ: Thôn C, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Vũ Thành L - Địa chỉ: Số nhà 157, đường Trần Thị L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Bà Nông Thu T - Địa chỉ: Thôn S, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa ngày 20/12/2023.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đặng Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị N, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là ông Tạ Quang T trình bày:

Gia đình bà Đỗ Thị N và gia đình ông Đặng Văn G có mối quan hệ quen biết từ trước, nên đã nhiều lần 02 bên vay mượn tiền của nhau. Ngày 06/10/2021, ông G gọi điện thoại cho bà N hỏi vay số tiền 580.000.000 đồng để mua máy xúc kinh doanh phát triển kinh tế gia đình. Bà N đã chuyển khoản cho ông G vay số tiền 570.300.000 đồng. Số tiền này được bà N chuyển từ số tài khoản của Bà N là 19035866556015 tại Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Lào Cai đến số tài khoản của ông G tại Techcombank là 19037731193012. Ngày 15/10/2021, ông G gọi điện cho Bà N nói không mua được máy xúc nên ông chuyển trả lại cho Bà N số tiền 580.000.000 đồng. Số tiền này ông G chuyển lại cho Bà N bao gồm cả tiền một số lần ông G nhờ Bà N chuyển cho người khác. Ngày 16/10/2021 ông G lại gọi điện cho Bà N hỏi vay 670.000.000 đồng để mua máy xúc loại to hơn. Bà N chuyển vào tài khoản 19037731193012 tại Ngân hàng Techcombank cho ông G số tiền là 670.000.000 đồng. Đến tháng 5/2022, Bà N yêu cầu ông G trả tiền nhưng không trả nên cuối tháng 11/2022 khi biết ông G bán máy xúc, Bà N gọi điện đòi lại số tiền 670.000.000 đồng đã cho vay ngày 16/10/2021 nhưng ông G chối cãi

không vay tiền của bà. Bà N gặp ông G để đòi số tiền trên và thông báo về việc đòi tiền nhưng ông G không nhận thông báo và nói không vay Bà N số tiền trên.

Việc ông G nộp cho Tòa án một chiếc USB có file ghi âm cuộc nói chuyện vào ngày 26/10/2022 tại quán cà phê Cá koi B4 giữa Bà N, ông Trần Xuân K (là chồng Bà N) với ông G và bà Tô Thị Đ (vợ ông G) kèm bản giải trình bằng văn bản file ghi âm. Bà N xác nhận giữa bà, ông K, ông G, bà Đ có cuộc nói chuyện trên, giọng nói trong file ghi âm (không còn nợ) là của Bà N nói, nội dung cuộc nói chuyện đúng như bản giải trình của bị đơn. Bà N khẳng định, nội dung ghi âm là đúng nhưng quá trình nói chuyện chỉ nói về việc trước đây hai bên gia đình có quan hệ bạn bè thân thiết, thường xuyên cho nhau vay tiền, rồi hai bên cãi nhau nên mất bình tĩnh. Việc vay tiền của nhau gửi qua gửi lại nhiều lần và đã trả. Chỉ có khoản tiền 670.000.000 đồng vay ngày 16/10/2021 ông G chưa trả. Bản ghi âm không có nội dung thoả thuận chốt nợ của khoản vay 670.000.000 đồng, nên bà Đ hỏi “*bây giờ có vay nợ gì không, Bà N có trả lời là bây giờ thì không vay nợ gì*” bà N nói trong lúc không muốn đôi co và bị bà Đ hắt cốc nước vào mặt, mất bình tĩnh. Nay ông G, bà Đ cho rằng là tiền nộp hộ vào tài khoản nhờ Bà N chuyển đi mua máy xúc để không mang tiền mặt là không đúng, đề nghị Tòa án buộc ông G phải trả lại cho bà số tiền 670.000.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Đặng Văn G, Người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của của bị đơn cùng Người có quyền lợi liên quan bà Tô Thị Đ thống nhất trình bày:

Gia đình ông Đặng Văn G, bà Tô Thị Đ và gia đình bà Đỗ Thị N, ông Trần Văn Kỳ có mối quan hệ thân thiết đã lâu, hai gia đình cho nhau vay tiền nhiều lần. Giữa năm 2021 gia đình ông G, bà Đ mua thêm máy xúc để làm ăn, đã có vốn và vay mượn thêm anh em với tổng số tiền khoảng 1.400.000.000 đồng. Lúc đó vợ chồng Bà N, ông K cũng cho nhà ông G, bà Đ vay 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu) là tiền ông K được đền bù giải phóng mặt bằng đất và tiền đập lộn tiết kiệm và nói 2 năm sau lúc nào vợ chồng Bà N, ông K làm nhà thì ông G, bà Đ trả lại và giúp đỡ Bà N thêm. Trong quá trình tìm mua máy xúc ông G, bà Đ thường sử dụng tiền mặt, vì tìm mua máy cũ (đã qua sử dụng) nên ông G phải đi tìm nhiều nơi (trước đó đã đi 3-4 lần nhưng không mua được). Do nhiều lần ông G cầm tiền mặt và mượn xe ô tô của ông Tuấn hàng xóm đi mua nên bạn bè và Bà N, ông K có khuyên không nên mang nhiều tiền mặt đi đường dài, mà sử dụng qua tài khoản cho an toàn. Do chưa có tài khoản nên ông G có nhờ Bà N đi làm số tài khoản tại Ngân hàng Techcombank. Bà N còn hướng dẫn ông G cách sử dụng tài khoản và cách rút tiền. Do có quan hệ bạn bè thân thiết nên ông G cho Bà N vay tiền nhiều lần, có lần Bà N hỏi mượn tạm vài ngày rồi lại trả. Ông G đã mang tiền mặt nộp vào tài khoản của Bà N 580.000.000 đồng để cho bà vay và đưa tiền mặt cho Bà N nhờ Bà N nộp vào tài khoản. Số tiền 670.000.000 đồng Bà N gửi vào tài khoản 19037731193012 tại Ngân hàng Techcombank chính là tiền mặt ông G đưa cho Bà N và tiền vay ông Đ, ông L, ông L1 (vợ là bà T) để nhờ Bà N nộp vào tài khoản cho ông G. Bà N đã lấy giao dịch chuyển khoản số tiền này thông qua bảng kê của năm 2021 nói là ông G vay 670.000.000 đồng là không đúng. Vì nếu ông

vay mượn thì phải có giấy tờ vay hoặc thoả thuận cụ thể, thực tế gia đình ông chỉ vay 80.000.000 đồng của vợ chồng Bà N và đã trả đầy đủ không còn vay mượn gì như ông K Bà N đã nhận trong bản ghi âm đối chất.

Việc Bà N chơi bởi vay mượn tiền của nhiều người, để tạo lòng tin bà Nói dối với người cho vay là bà có cho gia đình ông G, bà Đ vay 700.000.000 đồng - 800.000.000 đồng và có chung mua máy xúc với ông G. Khi ông G, bà Đ chuyển mục đích kinh doanh bán máy xúc, lúc này mọi người mới biết Bà N phao tin nói dối vì bị một số người đòi nợ không có tiền trả vin có để khát nợ với người khác. Ngày 26/10/2022 giữa ông G, bà Đ với vợ chồng Bà N, ông K đã đối chất với nhau, Bà N thừa nhận 02 nhà không còn nợ gì nhau, nhưng do bà Đ đã hắt cốc nước vào mặt Bà N nên bà mới bức tức và nghĩ đến lệnh chuyển tiền ngày 16/10/2021 trước đây để khởi kiện. Thực tế số tiền này là tiền của vợ chồng ông G, bà Đ đưa cho Bà N nhờ chuyển khoản, nên nội dung lệnh chuyển tiền không ghi rõ nội dung. Ngoài ra Bà N cũng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh khoản tiền này là tiền cho vay.

Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N: Buộc ông Đặng Văn G có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 670.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/9/2023 ông Đặng Văn Giàu có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm; Ngày 16/10/2023 ông G sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do thu thập và đánh giá chứng cứ vụ án chưa đầy đủ, kèm theo đơn là bản vi bằng được sao lục lại từ USB ghi âm do *Văn phòng thừa phát lại Sa Pa* thực hiện lúc 09 giờ 30 phút ngày 07/10/2023 và Giấy xác nhận chuyển tiền của ông Vũ Thành L và ông Trần Xuân Đ (người ông G nhờ chuyển tiền cho Bà N và được chứng kiến khi ông G đến nhà đòi co nợ); 02 cuốn giấy triệu tập của Công an tỉnh Lào Cai đề ngày 31/01/2023 và ngày 13/03/2023 (sau ngày Bà N bị bà Đ hắt nước vào mặt); xác nhận của ông Hà, bà Oanh biết sự việc bà Đ cùng Bà N đối chất nợ và đơn đề nghị thu thập lời khai những người làm chứng để chứng minh nội dung kháng cáo (lưu chuyển theo trong hồ sơ 02 USB ghi âm).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nộp xác nhận của ông Tuấn (chồng bà Oanh), bị đơn ông G và người bảo vệ quyền lợi giữ nguyên ý kiến kháng cáo đã trình bày trong quá trình giải quyết và nộp bổ sung đơn, ý kiến xác nhận của ông Nguyễn Văn Trung, bà Nguyễn Thị Hải Yến là người bán vật tư (búa đập đá) và bản sao kê số tiền nhờ Bà N chuyển khoản để

chứng minh cho số tiền chuyển như yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng khác đều chấp hành thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu thu thập bổ sung do Tòa án thu thập và bị đơn giao nộp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn G, sửa Bản án dân sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N; Tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về nội dung Đơn khởi kiện:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và bản khai Bà N thừa nhận hai gia đình thường xuyên hay cho nhau vay mượn tiền; Trong đó có số tiền 670.000.000 đồng Bà N cho rằng là khoản ông G vay ngày 16/10/2021 bà chuyển qua tài khoản 19037731193012 tại ngân hàng Techcombank ông G nhưng chưa trả.

Ông G cho rằng 670.000.000 đồng là tiền ông gửi và là tiền ông cho Bà N vay trước đó, nên đến ngày 16/10/2021 khi ông cần tiền đi mua máy xúc đòi lại Bà N chuyển trả và cho rằng Bà N lợi dụng quan hệ thân thiết từ hai gia đình (ông gửi tiền mặt và vay thêm bạn bè gửi nhờ vào tài khoản của Bà N giúp ông chuyển khoản khi đi mua máy xúc không phải mang tiền mặt) lợi dụng giấy chuyển tiền này, Bà N phao tin nói xấu bảo ông vay tiền không trả, gia đình ông đối chất với vợ chồng Bà N, ông K tại quán Cà phê Cá coi lúc 16 giờ ngày 26/10/2022; bà Đ dùng điện thoại ghi âm cuộc hội thoại lời Bà N đã thừa nhận đến thời điểm 02 gia đình không còn nợ lẫn gì nhau; sau khi chốt không còn nợ gì song, bà Đ bức hắt cốc nước ở bàn vào mặt Bà N “bị xúc phạm” Bà N dùng phiếu kê cũ từ 2021 kiện đòi tiền là không đúng.

[2] Xét nội dung và hình thức Đơn kháng cáo:

[2.1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn Giàu có đầy đủ nội dung và hình thức và được nộp hợp lệ trong thời hạn mà pháp luật quy định nên được chấp nhận là căn cứ để mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định.

[2.2] Xét tính pháp lý của giao dịch vay mượn (*theo Bà N là hợp đồng cho vay*) và chứng cứ các bên:

[2.2.1]. Về nội dung giao dịch và chứng cứ của nguyên đơn:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Bà N xuất trình là phiếu báo của Ngân hàng TECHCOMBANK (bút lục 39) ngày 16/10/2021 chuyển khoản 670.000.000đ; Thấy rằng: Tại cột đối tác ghi; Đặng Văn G, cột mục diễn giải; để trống “*không ghi rõ lý do và mục đích chuyển tiền*”; Cột số bút toán (mã số) ghi FT21289715529412. Đây là tài liệu duy nhất Bà N cho rằng là khoản tiền cho ông G vay theo dạng hợp đồng bằng miệng qua điện thoại. Ngoài ra đến ngày 05/4/2023 Bà N có giấy báo thu nợ gửi kèm đơn kiện đến tòa ngày 13/4/2023; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ nhưng Bà N không còn tài liệu nào khác. Theo quy định của pháp luật khi giao kết hợp đồng vay mượn phải có sự thỏa thuận của các bên. Như vậy thể hiện giao dịch này chưa rõ ràng, bên cho vay không có bất kỳ thông tin, hay giải thích nào để chứng minh việc giao dịch có nội dung rõ ràng. Sau ngày xảy ra mâu thuẫn (26/10/2022) và đến 31/01/2023 Bà N mới làm giấy báo đòi nợ gửi cho ông G là chưa đúng về thể thức và nội dung, chưa thể hiện ý trí tự nguyện của các bên khi giao kết và thực hiện hợp đồng vay mượn dân sự theo quy định tại Điều 121; 385 và 463 Bộ luật dân sự.

[2.2.2]. Xét đề nghị và tài liệu, chứng cứ kèm đơn kháng cáo của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án ở hai cấp ông G và người đại diện đã giao nộp 01 chiếc USB chứa đựng nội dung file ghi âm được thu ghi đã giải trình bằng văn bản. Tại buổi công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thừa nhận nội dung, giọng nói và toàn bộ diễn biến trong USB ghi âm được phía bị đơn giải trình ghi lại (mục đích để làm rõ ông G có còn nợ hay không); Các bên được đọc, nghe đều công nhận là đúng giọng nói của mình trong file ghi âm và đúng thực tế khi các bên hội thoại tại quán cà phê Cá koi b4 lúc 16 giờ ngày 26/10/2022 “*..giọng nói đến thời điểm hiện tại không còn nợ lẫn gì nhau là của Bà N*” nên các bên đều không có yêu cầu giám định giọng nói và không có ý kiến khiếu nại bản giải trình là phù hợp quy định tại Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự (là chứng cứ rõ ràng được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh).

Quá trình thụ lý ở cấp phúc thẩm; Luật sư là người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn giao nộp bổ sung một USB được thu lại nội dung ghi âm và giải trình thành văn bản hội thoại (giữa hai gia đình ngày 26/10/2022) và bản vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại Sa Pa thực hiện (nội dung này các bên cũng thừa nhận đúng như nội dung bản ghi âm ở cấp sơ thẩm); Kèm theo 01 Giấy xác nhận chuyển tiền của ông Vũ Thành L, số nhà 157, đường Trần Thị L, thành phố L (người trả nợ tiền cho ông G được ông G nhờ gửi trực tiếp vào tài khoản của Bà N) và 01 Giấy xác nhận của ông Trần Xuân Đ (người cho ông G vay tiền vừa là người được chứng kiến khi gia đình ông G đến nhà Bà N đối chất nợ); 03 tờ thông tin đối ứng tại Ngân hàng thương mại Thái Bình chuyển tiền; 01 cuống giấy mời đề ngày 30/01/2023 và 01 cuống giấy triệu tập đề ngày 17/03/2023 của Công an tỉnh Lào Cai triệu tập ông G; giấy xác nhận của bà Oanh, ông Hà và *tập sao giấy báo đòi*

nợ tiền Bà N vay trên mạng xã hội để chứng minh thời điểm 2021 Bà N không có khả năng kinh tế cho ông G vay riêng khoản tiền 670.000.000đ (ông K là chồng Bà N thừa nhận không biết về khoản tiền giữa Bà N, ông G vay mượn này).

Qua đối chất tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp đối chiếu với các tài liệu do nguyên đơn giao nộp được công bố tại phiên tòa thấy rằng: Tại thời điểm ghi âm đối chất công nợ lúc 16 giờ ngày 26/10/2022 (giữa 02 cặp vợ chồng); Theo diễn biến được ghi lại trong điện thoại (USB) nội dung bản vi bằng xác định; Việc gặp nhau đối chất (đôi co) và ghi âm lại là ngẫu nhiên, hai bên cùng hẹn nhau đến quán uống nước, nói chuyện. Tuy hai bên không phải là buổi hẹn gặp chốt nợ nhưng bà Đ, ông G do bị Bà N phao tin nói xấu muốn thanh minh làm rõ việc Bà N đi vay tiền của nhiều người rồi khát nợ nên phao tin nói “ nhà G - Đ” vay 700 -800 triệu của Bà N mà không trả, trong ghi âm thể hiện rõ 02 lần ở 02 buổi đối chất trong USB;

Thấy rằng; việc các lần 02 bên gặp mặt đều bình đẳng; buổi gặp nhau lúc 16 giờ ngày 26/10/2022 với điều kiện không gian là phòng trà yên tĩnh vắng người; sau khi gọi nước uống: ông G đặt vấn đề với vợ chồng Bà N; Tôi “muốn hỏi rõ bạn ..nhà tôi tiền nong vay mượn đã xong hết chưa.. có vướng mắc gì không.?” Sau thời gian hội thoại, đối chất đến gần cuối buổi để giảm bớt thời gian, tránh nói đi nói lại nhiều lần giữa bà Đ và Bà N (đối với các khoản nợ đã xong) bà Đ chủ động hỏi rõ Bà N “.. *bây giờ tôi chỉ hỏi câu duy nhất là; nhà tôi bây giờ có còn nợ tiền bà N nữa không.?*;...; *sau 08 lần bà Đ gắng hỏi yêu cầu Bà N trả lời và xác nhận công nợ; có sự chứng kiến của hai ông chồng (ông G và ông K); Bà N vẫn xác nhận đến thời điểm (26/10/2022) hai gia đình không còn nợ gì nhau; Khi hai bên đã tự nguyện xác nhận xong công nợ, bà Đ còn giao hẹn; “Thế là biết.. nếu để tôi (Đính) nghe được...; nhà tôi vay nợ mà chồng tôi trốn, không trả thì cốc nước này không trượt khỏi mặt bà, bột phát ngay sau đó bà Đ mới hất cốc nước uống vào mặt Bà N./.* do được chứng kiến, thấy vậy ông K chửi, mắng bà Đ “*việc vậy xong rồi là xong*”..cuộc thoại giữa các bên chấm dứt; Toàn bộ nội dung thể hiện trong hai chiếc USB được giải trình và bản Vi bằng (BL:106 - 108 và 222-225) đều khớp nhau và được Bà N thừa nhận. Các tài liệu này phù hợp với ý kiến của ông Đ có được giúp ông G chuyển tiền và chứng kiến khi gia đình ông G đến nhà Bà N đôi co nhưng không thấy Bà N nêu số nợ 670 000 000đ; Phù hợp với xác nhận của ông L người nợ ông G tiền, khi trả ông G nhờ chuyển vào tài khoản của Bà N; phù hợp với lời khai bà T đã thừa nhận tại phiên tòa ngày 20/12/2023 có cho ông G vay 200 triệu đồng mua máy xúc khoảng giữa tháng 10/2021 (thông qua Bà N bảo lãnh và nhận tiền tại nhà Bà N) và lời khai ông L1, bà T khai nhận có cho ông G vay tiền, tờ khai sau đã bị bà T đến Tòa án mượn xem để sao chụp và đã xé hủy tại Tòa án (*như biên bản vi phạm lập ngày 23/11/2023 tại Tòa án; bút lục: 256, 257*); phù hợp ý kiến khách quan khi ông G vào quán đặt vấn đề nói trong bản ghi âm “.. *hôm trước tôi đến nhà bạn...Cái gì sai thì không biết ..nhưng tiền nong thì phải thống nhất đi cho nó đỡ lằng nhằng*”; phù hợp với các bản giải trình của bị đơn và biên bản xác minh của Tòa án tại Ngân hàng TêckomBank ngày 17/11/2021 tài khoản của Bà N (đến ngày 05/10/2021 có 1.629.480đ; (ông G mở tài khoản lần đầu ngày 06/10/2021 khi ông

đòi tiền thì Bà N vay về chuyển trả) mục diễn giải bút lục 40A ngày 15/10/2021 ghi rõ ông G nộp vào tài khoản của Bà N số tiền 580 triệu là tiền gửi); phù hợp với các mục thông tin đối ứng ông G nhờ Bà N chuyển khoản cho ông G và tiền cọc người bán máy xúc và chính ý kiến của Bà N khi đối chất trong ghi âm đã thừa nhận việc ông G “có nhờ bà chuyển tiền đi chuyển lại nhiều lần với nhau” và đến thời điểm hai gia đình không còn nợ gì nhau. Cũng từ tài liệu chứng cứ là bản ghi âm nghe rõ được của ngày 26/10/2022 thể hiện qua 08 lần bà Đ hỏi, Bà N đều trả lời, thừa nhận không còn nợ, ý kiến này được xác định là nguồn chứng cứ có giá trị làm rõ vụ án theo quy định tại các Điều 92 đến 96 Bộ Luật tố tụng dân sự (nghe được, đọc được) phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác do bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập của những người làm chứng trong giai đoạn phúc thẩm; phù hợp với số tiền ông G vay mượn gửi Bà N chuyển giúp như phản ánh trong phiếu chuyển ngân hàng; số tiền Bà N chuyển; Cụ thể ngày 16/10/2021 chuyển qua điện thoại trả ông G 670 000 000đ + 7 000 000đ + 173 000 000đ của ngày 18/10/2021 tại Nhân hàng Công thương Thái Bình + 20 000 000đ tiền giúp trả cọc cho ông Chính chủ máy xúc ngày 19/10/2021 (bút lục 39 và 255-255b); Như vậy, tổng số tiền Bà N khởi kiện phải là 870.000 000đ chứ không phải số tiền 670 .000 000đ; tuy nhiên tại phiên tòa Bà N cho rằng số tiền còn nợ 180 000 000 đồng là do bà chưa khởi kiện là chưa phù hợp khách quan như ý kiến khi xét xử ở cấp sơ thẩm.

[2.2.3]. Xét về chứng cứ và ý kiến của nguyên đơn;

Việc Bà N cho rằng do ngày 15/10/2021 ông G có hỏi vay bà qua điện thoại số tiền 670.000.000đ nên ngày 16/10/2021 bà chuyển qua tài khoản Cho ông G. Nhưng ngay ngày 15/10/2021 tại mục diễn giải có nội dung ông G nộp vào tài khoản của Bà N số tiền 580 000 000đ là mâu thuẫn chưa phù hợp, bà không chứng minh được lý do cùng ngày 15, 16/10/2021 bà Nhận trên tài khoản do ông G nộp vào và do Lương chuyển đến tài khoản của Bà N; (bà thừa nhận ông L không nợ gì bà thì đó phải là tiền của ông G gom nhờ chuyển đến, bút lục 39 và 207), phiếu lại do bà viết; mục cột lý do chuyển tiền Bà N lại không ghi rõ là tiền gì; lý do cho vay chuyển qua điện thoại nhưng từ đó đến ngày 26/10/2022 số tiền này là rất lớn so thu nhập lao động tự do của Bà N (ông K lại không biết có hay không) nhưng lại không có một thông tin nào của bên vay và bên cho vay sau khi chuyển tiền để xác nhận khoản vay (khi đối chất bà lại không chủ động đưa ra để cùng làm rõ và lại thừa nhận đến ngày 26/10/2022 hai gia đình không còn nợ gì nhau) là điều chưa minh bạch trong thỏa thuận giao dịch vay, mượn; Sự việc chỉ xảy ra tranh chấp sau ngày 26/10/2022 khi bị bà Đ hắt nước vào mặt tại quán cà phê Cá koi khi hai bà đối chất xong (tại phiên tòa phúc thẩm số tiền chuyển lại nhiều hơn đơn yêu cầu từ đó bà lại cho rằng do chưa kiện đòi) là chưa phù hợp về thời gian và số tiền vay.

Xét về lý do Bà N cho rằng ngày 26/10/2022 bà thừa nhận hai gia đình đến thời điểm này, tức (26/10/2023) không còn nợ lẫn gì nhau nữa vì bà không muốn nói nhau chỗ đông người và bị hắt cốc nước vào mặt nên mất bình tĩnh: Cũng như đánh giá phần trên, thấy rằng; Bà N có đủ nhận thức năng lực hành vi và năng lực

pháp luật nên bà phải chịu trách nhiệm với các lời nói và hành vi của mình. Sự việc lúc hội thoại không có ai ngoài hai cặp vợ chồng Bà N và vợ chồng ông G; diễn biến ghi âm được xác định là bình đẳng, khách quan không có ai đe dọa và bị đe dọa, hai bên có cả ông G và ông K cùng ngồi uống nước, vẫn ôn hòa, giữ sự tôn trọng tình cảm giữa hai nhà; Sau nhiều lần Bà N thừa nhận và khẳng định cả bà Đ và ông G không còn nợ và cam kết gia đình bà Đ không còn nợ tiền gì; Sau đó bà Đ mới cầm cốc nước hắt vào mặt Bà N.; *ông K mắng bà Đ và nói “việc vậy xong rồi là xong”*. Như vậy xét trên toàn phương diện hoàn cảnh khi đối chất giữa hai cặp vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng không ai bị đe dọa, việc bà Đ hắt cốc nước vào mặt Bà N cũng là lúc hai bên đối chất chốt nợ đã xong nên ý kiến của Bà N đưa ra do bị đe dọa, mất bình tĩnh là chưa đúng sự thật khách quan.

- Về ý kiến Bà N cho rằng; *do không ai nói đến số tiền 670.000.000đ*;

Cũng theo diễn biến nội dung, âm thanh ghi âm, lời khai tại phiên tòa thực chất khi đối chất bà Đ và ông G không nhớ đến phiếu chuyển tiền ngày 16/10/2021 (khi nhờ tài khoản Bà N chuyển 670.000.000đ đi mua máy xúc), bởi vậy bà Đ không biết để đưa ra hỏi đối chất; Việc bà Đ chỉ hỏi về lý do người ở xóm (bà Oanh – Tuấn) nói Bà N bảo bà Nợ 700-800 triệu rồi trốn nợ làm ảnh hưởng danh dự, nhưng sau 08 lần bà Đ hỏi “*..chồng tôi đến nay còn nợ bà đồng nào nữa không..?*” bà Nhuần vẫn xác nhận *trả lời là không còn nợ gì*. Như vậy, do không có số tiền 670.000 000đ cho nợ nên Bà N cũng không biết để chủ động nói ra khoản tiền này cho mình bạch khi đối chất. Trong khi nghĩa vụ này chính thuộc về Bà N mới là người cần phải chủ động đưa ra để đối chất thì Bà N lại né tránh. Cho dù bà biết đến tận ngày 26/10/2022 Bà N vẫn không có một tài liệu nào xác định căn cứ đòi tiền cho vay. Việc làm đơn tố cáo gửi Công an và giấy báo đòi nợ do Bà N làm đều sau thời điểm ngày 26/10/2022 (ngày bị bà Đ hắt cốc nước vào mặt); giấy báo nợ bà làm ngày 05/4/2023 gửi lại không đúng tên (ông G thành Giàu nên ông G không nhận; bút lục; 06, 210, 211, 237).

Theo đề nghị của bị đơn tại phiên tòa ngày 20/12/2023 Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để triệu tập đối chất các mục tiền gửi, tiền chuyển giữa các bên; phía Bà N đều vắng mặt, cả phiên tòa sơ thẩm (cho rằng nhận điện thoại báo và giấy triệu tập bị muộn). Tại phiên tòa Bà N cũng không có tài liệu chứng cứ khách quan nào khác để chứng minh cho khoản tiền 670.000.000đ là hợp đồng vay mượn; cũng không có căn cứ khách quan nào chứng minh lý do thông qua tài liệu hai bên đối thoại ngày 26/10/2022 để làm rõ lý do không ai đe dọa, ép buộc mà Bà N vẫn thừa nhận hai nhà đến thời điểm 26/10/2022 không còn vay nợ gì nhau; không có căn cứ xác định trước ngày 26/10/2022 có căn cứ đòi ông G số tiền nợ này. Điều đó càng thể hiện rõ việc Bà N chuyển tiền cho ông G thông qua (phiếu Ngân hàng TECHCOMBANK không phải là khoản thỏa thuận vay tiền, đồng nghĩa với việc ông G không còn nợ Bà N số tiền 670.000.000đ như nhận định trên là có căn cứ (tại phiên tòa nguyên đơn xuất trình xác nhận của ông T chồng bà O xác nhận chỉ được nghe Bà N nói nhà Đ G vay 800 triệu còn không biết tiền nợ trên);

đây là lý do khách quan dẫn đến hai nhà tổ chức đối chất về số nợ lúc 16 giờ ngày 26/10/2022 được ghi âm là phù hợp.

[3] Từ nhận định, phân tích đánh giá trên trên; Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, xác minh đầy đủ các tài liệu chứng cứ và ý kiến những người làm chứng cần thiết; chưa xác minh làm rõ cùng thời điểm nguồn tiền Bà N nhận về từ phía ông G trước khi Bà N chuyển tiền đi cho ông G) chưa thận trọng phân tích xác định làm rõ tình tiết quan trọng của chứng cứ là bản ghi âm được giải trình bằng (văn bản, vi bằng), làm rõ ý trí các bên khi diễn ra buổi đối chất vì đây là những chứng cứ quan trọng liên quan vụ án để đánh giá khách quan, toàn diện chính xác vụ án (theo khoản 2 Điều 97; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự); Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ vào phiếu báo chuyển tiền Ngân hàng nhưng phiếu lại không ghi rõ nội dung, lý do vì sao chuyển tiền để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho nguyên đơn số này là chưa chính xác (mặc dù Bản án xác định không có cơ sở xác lập là hợp đồng vay theo quy định tại Điều 463 BLDS bút lục 184 a); Để giải quyết triệt để vụ án, tránh kéo dài Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, sửa Bản án sơ thẩm số 24/2023/DS.ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà N về việc kiện đòi buộc ông G có nghĩa vụ trả số tiền 670.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về án phí vụ án:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đỗ Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Ông Đặng Văn G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu và hoàn trả lại tiền án phí phúc thẩm cho ông G.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn G. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N về việc yêu cầu; Buộc ông Đặng Văn G phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 670.000.000 đồng (*Sáu trăm bảy mươi triệu đồng*).

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đỗ Thị N phải chịu 30.800.000đồng (*Ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận Bà N đã nộp 15.400.000 đồng (*Mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí Toà án số 0000199 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Bà Đỗ Thị N còn phải nộp 15.400.000 đồng (*Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn G không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đặng Văn G 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu AC-22P, số 0000523 ngày 14/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai (do ông Nguyễn Trung Đ đã nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Người BVQ&NVLIHP;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài